TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Minh Trí.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Chu Giăng
2. Ông Bùi Đức Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn V , sinh năm 1968 (có mặt)
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1975 (vắng mặt)
Đồng trú tại: Xóm Ng H , thôn K Ng , xã B Th , huyện TS , tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn V trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu, không ai mai mối, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục ông, bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định vào ngày 21/7/1996. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 23 năm đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà H có quan hệ ngoại tình, đã bỏ nhà đi 04 lần với người đàn ông khác (trong đó 02 lần bắt gặp đưa về nhà và 02 lần đi 10 ngày về), vì gia đình nên ông đã bỏ qua để vợ chồng chung sống lo cho con nhưng bà H vẫn tiếp tục tái diễn. Tháng 9/2018

mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện ông không còn tình cảm với bà H nên yêu cầu được ly hôn.

Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Tiến Nguyên Tr – sinh năm 1997; Nguyễn Tiến Nguyên Th – sinh năm 1999 hiện các con chung đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông V có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai và quá trình giải quyết bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà thống nhất như lời trình bày của ông Nguyễn V về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 23 năm đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông V ghen tuông, nghi ngờ bà có quan hệ với anh Nguyễn Hồng Th, ông V đã đánh đập bà nên bà phải bỏ nhà đi. Nay ông V yêu cầu được ly hôn bà, thì bà không đồng ý, vì bà còn thương chồng con, hiện nay bà đang bị ung thư tuyến nước bọt giai đoạn 1 nên cần sự chăm lo của gia đình.

Về con chung: Bà thống nhất như ông V trình bày. Hiện các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 02 ngôi nhà tọa lạc xóm Ng H, thôn K Ng , xã BTh , huyện TS , tỉnh Bình Định đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng. Nếu Tòa cho ly hôn bà đồng ý chia đôi giá trị nhà bằng tiền giao nhà cho ông V sở hữu, ông V thanh toán tiền cho bà.

Tại biên bản xác minh ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn với ông Nguyễn Văn V là Trưởng thôn K Ng , xã B Th , huyện TS , tỉnh Bình Định là nơi bà H và ông V đang sinh sống, phản ánh tình trạng hôn nhân như sau:

Ông V có biết vợ chồng bà H và ông V trong quá trình chung sống với nhau thì đầu năm 2019 bà H bỏ nhà đi theo người khác, bị ông V phát hiện được nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Ngoài ra ông không cung cấp thông tin gì khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) từ khi Tòa thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn giải quyết đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 8, 9 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn V, ông Nguyễn V được ly hôn bà Nguyễn Thị H. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông V phải chịu 300.000 đồng. Về con chung không giải quyết vì đương sự không yêu cầu. Phần tài sản chung ông V yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, ông đã có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H trình bày vợ chồng có 02 ngôi nhà tại thôn K Ng , xã B Th, huyện TS, tỉnh Bình Định, nếu ly hôn bà đồng ý chia đôi giá trị bằng tiền. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà H không hợp tác khi Tòa án lấy lời khai,

bà không đến phiên hòa giải mặc dù được thông báo hợp lệ, Tòa án đã có thông báo yêu cầu bà có ý kiến, yêu cầu đối với việc ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nhưng từ khi nhận thông báo đến nay bà không có ý kiến gì. Tại phiên tòa hôm nay bà cũng vắng mặt không có lý do. Đề nghị không xem xét giải quyết phần tài sản trong vụ án này theo yêu cầu của ông V. Nếu bà H có yêu cầu bà có quyền khởi kiện 01 vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn V có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn giải quyết vụ án hôn nhân của ông. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn.

Về sự vắng mặt của bị đơn. Căn cứ quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H .

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị H kết hôn vào ngày 21/7/1996 trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện Tây Sơn, Bình Định nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống ông bà sống hạnh phúc thời gian dài, nhưng đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Nguyên nhân xuất phát từ việc ông V, bà H nghi ngờ lẫn nhau trong mối quan hệ vợ chồng, ông V cho rằng bà H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên bỏ nhà đi, còn bà H cho rằng do ông V ghen tuông, nghi ngờ bà có quan hệ với anh Nguyễn Hồng Th, ông V đã đánh đập bà nên bà phải bỏ nhà đi, từ đó làm cho vợ chồng mất niềm tin, không tôn trọng lẫn nhau, hết tình cảm, sống không có hạnh phúc, mặc dù ông V rất cố hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng chăm lo gia đình nhưng bà H vẫn không sửa đổi nên không thể hàn gắn được, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay mặc dù hai người vẫn sống chung một nhà nhưng không còn ai quan tâm gì đến nhau. Nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, tại phiên tòa hôm nay bà H cũng không có mặt để có thiện chí hợp tác mong muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, ông V thì cương quyết yêu cầu được ly hôn với bà H. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của ông bà mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nay ông V yêu cầu ly hôn bà H là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội được quy định tại khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông V và bà H đều thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Tiến Nguyên Tr – sinh năm 1997 và Nguyễn Tiến Nguyên Th – sinh năm 1999, hiện cháu Tr đã lập gia đình. Các con chung đã trưởng thành có cuộc sống riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông V có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Đối với lời khai của bà H về tài sản chung: Vợ chồng có 02 ngôi nhà tọa lạc xóm Ng H, thôn K Ng, xã BTh, huyện TS, tỉnh Bình Định đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng. Nếu Tòa cho ly hôn bà đồng ý chia đôi giá trị nhà bằng tiền giao nhà cho ông V sở hữu, ông V thanh toán tiền cho bà. Trong quá trình Tòa án giải quyết ông V có đơn yêu cầu không giải quyết phần tài sản. Ngày 21/6/2019 Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn ra Thông báo về việc yêu cầu bà H phải có đơn yêu cầu phản tố về chia tài sản chung của vợ chồng và thông báo cho bà H phải nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung nhưng bà H không có đơn yêu cầu và không nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu chia tài sản chung thì khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006277 ngày 13/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, ông V đã nộp đủ.

[4] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn V được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn V phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006277 ngày 13/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 8/8/2019), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Tân;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Trí